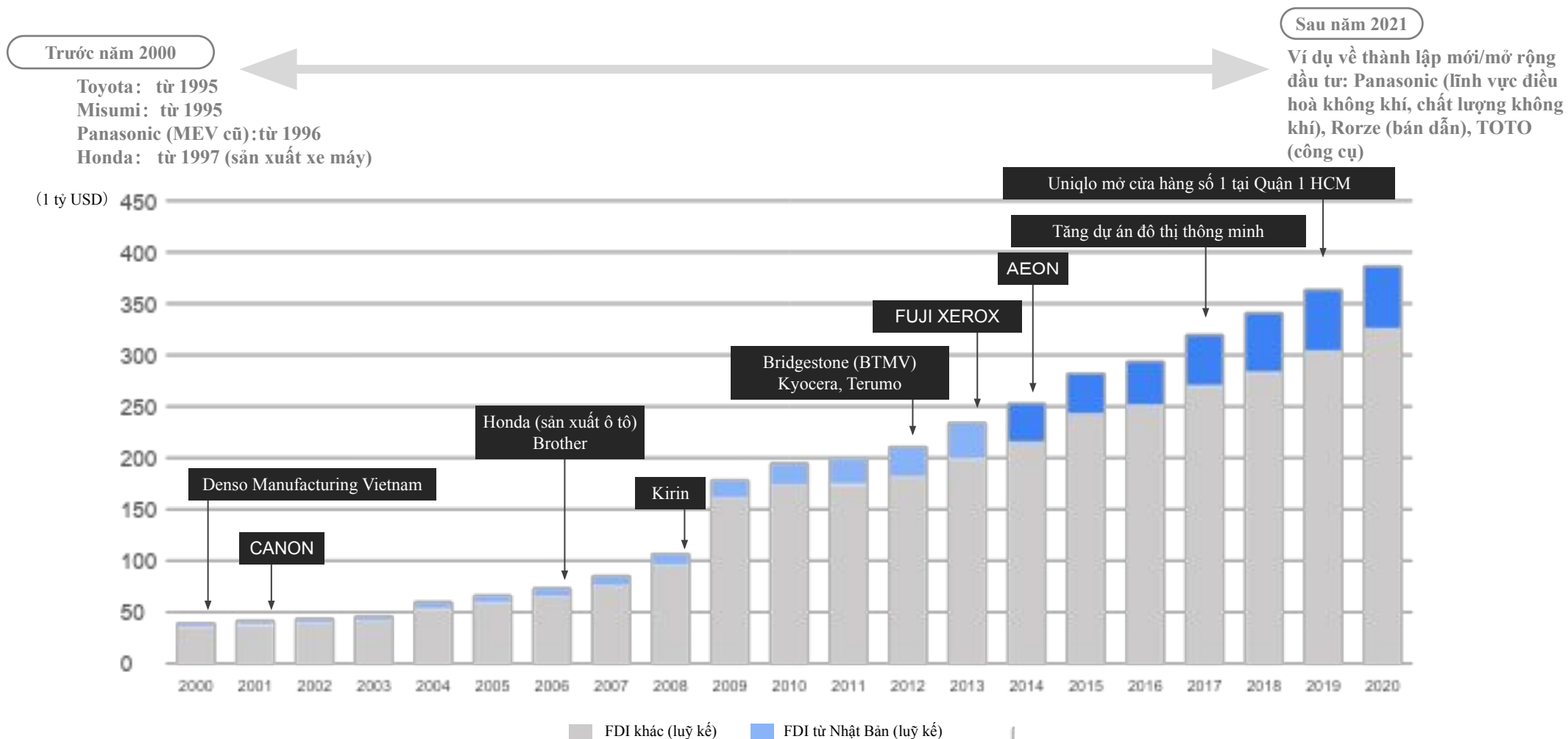


Nhìn lại kết quả đạt được sau 20 năm thực hiện Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Nhìn lại 20 năm qua của Việt Nam và Nhật Bản

- Đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam liên tục tăng trong 20 năm qua.
- Tỷ trọng đầu tư của Nhật Bản trong tổng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam tăng gần gấp đôi sau 20 năm.



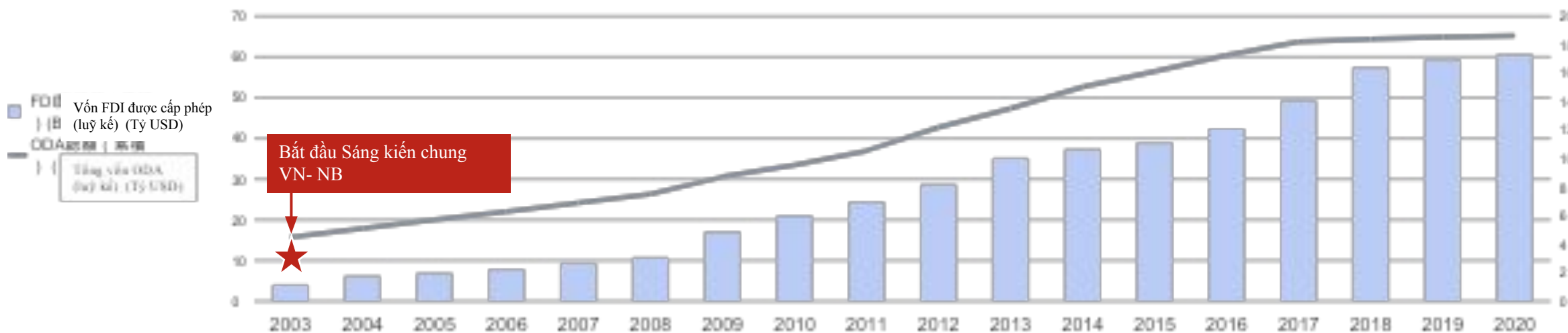
Nhìn lại 20 năm qua của Việt Nam và Nhật Bản

- Trong 20 năm qua hai quốc gia đã thiết lập được quan hệ mật thiết trong lĩnh vực ODA, thương mại, đầu tư. Hàng năm đều diễn ra các chuyến thăm cấp cao giữa 2 nước.

Sự kiện ngoại giao chính giữa VN-NB	(2003) Hiệp định đầu tư VN-NB, thoả thuận cơ bản	(2007) Việt Nam gia nhập WTO	(2007) Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết sang thăm NB với tư cách là Quốc khách đầu tiên	(2009) Ký Hiệp định Đối tác Kinh tế VN-NB	(2013) Thủ tướng Abe sang thăm VN là nước công du nước ngoài đầu tiên ngay sau khi nhậm chức	(2014) Nâng cấp quan hệ VN- NB lên “Đối tác chiến lược toàn diện”	(2017) Nhà vua và Hoàng hậu sang thăm VN	(2022) Thủ tướng Kishida sang thăm VN
--	---	---------------------------------	---	--	---	--	---	--

Bối cảnh thời đại của Việt Nam và quan hệ Nhật – Việt

- Từ sau 2000, VN đạt được tăng trưởng kinh tế cao nhờ các chính sách công nghiệp hoá của Chính phủ, niềm tin và nỗ lực không ngừng của người dân.
- Sau khi gia nhập WTO vào 2007, VN tích cực hội nhập quốc tế. Năm 2009 trở thành nước có thu nhập trung bình.
- Các dự án ODA của NB đã góp phần trong hoàn thiện hạ tầng cơ bản. Hình thành nhiều dự án vốn vay ODA tập trung trong lĩnh vực giao thông và cải cách thể chế. Là nhà tài trợ lớn nhất, NB phối hợp cùng các tổ chức quốc tế khác đóng góp cho hoàn thiện hạ tầng kinh tế tại VN.
- Nhờ việc hoàn thiện hạ tầng kinh tế quy mô lớn vào những năm 2000, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN đã gia tăng nhanh chóng vào những năm 2010. Chính phủ VN định hướng tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế thông qua thúc đẩy công nghiệp hoá. Trong Kế hoạch 10 năm phát triển kinh tế xã hội công bố vào năm 2011 có ghi rõ mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN của các DN tư nhân NB gia tăng nhanh chóng, tập trung vào lĩnh vực chế tạo. Năm 2020 đạt 60 tỷ USD. Hơn nữa, nguồn vốn ODA của NB góp phần tăng cường chức năng, khắc phục điểm yếu của cơ quan chính phủ trong hoạch định chính sách công nghiệp.



Sự kiện trên TG	(2003) Chiến tranh Iraq	(2008) Lehman Shock	(2011) Thảm họa kép tại Đông Nhật Bản	(2015) Ký kết Hiệp định Paris	(2020) Đại dịch Covid-19
------------------------	----------------------------	------------------------	--	----------------------------------	-----------------------------

Hoạt động của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản được bắt đầu vào năm 2003 trên cơ sở đồng thuận của Bộ trưởng Võ Hồng Phúc đối với ý tưởng của Đại sứ Hattori và được sự thống nhất giữa 2 Thủ tướng lúc đó là Thủ tướng Koizumi và Thủ tướng Phan Văn Khải.
- Cơ chế đối thoại chính sách giữa Nhật Bản với chính phủ nước sở tại là một cơ chế hiếm thấy trong quan hệ hợp tác song phương với các nước khác.

Ủy ban Hỗ trợ Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản



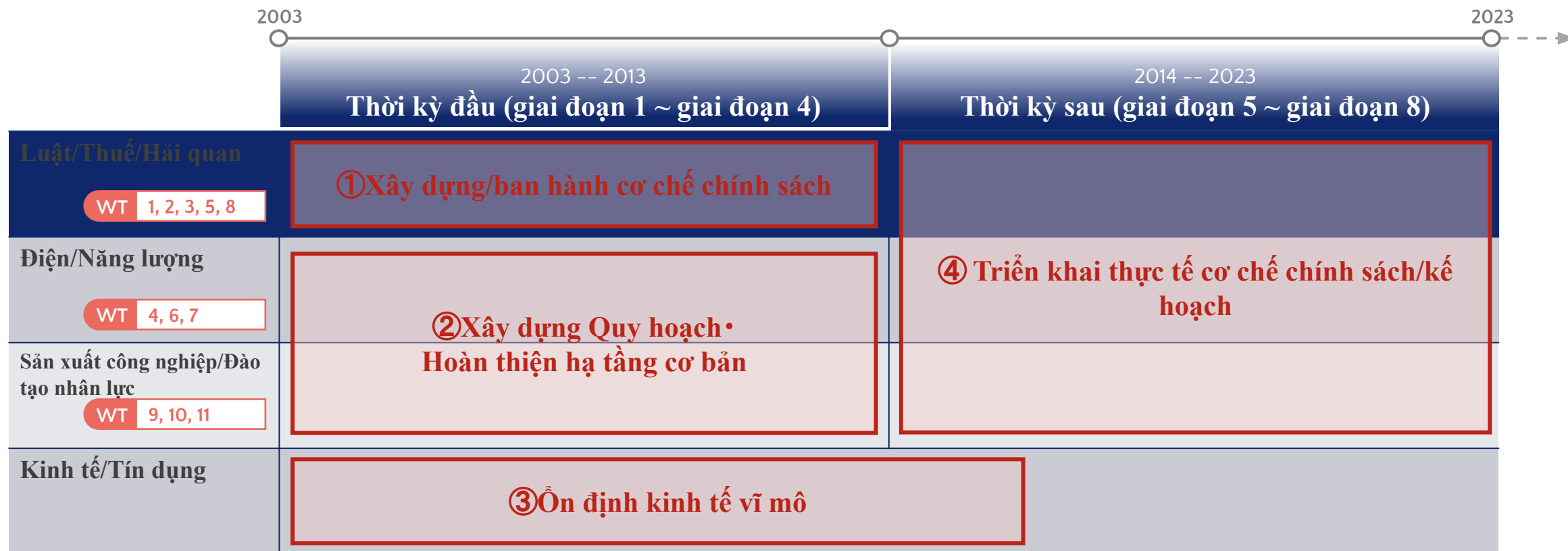
Hoạt động của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Giải quyết nhiều vấn đề trong các lĩnh vực như hệ thống luật pháp/thuế/hải quan, điện/năng lượng, công nghiệp/đào tạo nhân lực, kinh tế/tín dụng...

	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Giai đoạn 4	Giai đoạn 5	Giai đoạn 6	Giai đoạn 7	Giai đoạn 8
WT1	Luật Doanh nghiệp/Luật đầu tư	Luật Doanh nghiệp/Luật đầu tư	Luật Doanh nghiệp/Luật đầu tư Hạ tầng Thực phẩm, Vĩ mô	Điện lực	Hệ thống pháp luật, thực thi pháp luật	Lao động	Luật Doanh nghiệp/Luật đầu tư	Chế độ án lệ, thực thi luật dân sự, chính sách cạnh tranh
WT2	Mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài, Luật đất đai, Xử lý nước thải, xử lý chất thải công nghiệp	Thuế	Thuế	Lao động	Thuế	Tiền lương	Cải thiện chế độ tư pháp	Luật đầu tư/Luật doanh nghiệp
WT3	Thuế	Lao động	Lao động	Vĩ mô	Vận tải, thủ tục hải quan	Vận tải, Logistics	Luật đất đai	Cải thiện tổng thể các vấn đề về môi trường lao động
WT4	Lao động	Thủ tục hải quan, lưu thông phân phối	Thủ tục hải quan, lưu thông phân phối	Phát triển công nghiệp hỗ trợ, hệ thống pháp luật/thực thi, lưu thông/hải quan/viễn thông, thuế	Nhân lực/Lao động	Dịch vụ	Cải cách DNNN, cải cách thị trường cổ phiếu	Luật PPP, thảo luận các vấn đề nhằm mở rộng đầu tư hạ tầng theo phương thức PPP
WT5	Hệ thống pháp luật	Hoạt động của DN	Sở hữu trí tuệ	Bán lẻ, thực phẩm	Sở hữu trí tuệ	Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Công nghiệp hỗ trợ	Cải cách DNNN, cải cách thị trường vốn
WT6	Sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn công nghiệp	Quy hoạch	Công nghiệp hỗ trợ	Hạ tầng	Môi trường	Luật đầu tư/luật doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	Năng lượng/năng lượng hỗn hợp tối ưu
WT7	Giao thông đô thị, vận tải, công nghiệp hỗ trợ, hải quan	Điện lực, viễn thông, giao thông đô thị	Điện lực, Cảng /đường bộ, viễn thông, giao thông đô thị	-	Bán lẻ, lưu thông phân phối, bất động sản	Nhập khẩu thuốc	Sửa đổi luật PPP	Thúc đẩy nhập khẩu/phổ cập LNG
WT8	Điện lực, viễn thông	-	-	-	Phi Ngân hàng	-	Hoàn thiện hạ tầng cho việc sử dụng LNG	Hợp tác trong lĩnh vực đất đai
WT9	Phát triển công nghiệp ô tô	-	-	-	Dịch vụ	-	Dịch vụ	Công nghiệp hỗ trợ
WT10	Phát triển ngành sản xuất xe máy	-	-	-	Xuất khẩu thực phẩm	-	-	Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại địa phương và doanh nghiệp kết hợp với hoạt động của NIC
WT11	Phát triển công nghiệp điện và điện tử, đào tạo nhân lực	-	-	-	Hạ tầng	-	-	Đào tạo nhân lực chất lượng cao
WT12	Bộ quy định về tỷ lệ góp vốn tối thiểu khi đầu tư bổ sung của Liên doanh xi măng	-	-	-	Liên kết chiến lược công nghiệp hoá	-	-	-
WT13	-	-	-	-	Vĩ mô	-	-	-

Kết quả đạt được của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Đóng góp vào thúc đẩy đầu tư của các DNNB vào Việt Nam trong suốt 20 năm qua.



WT : WT của giai đoạn 8

Thúc đẩy đầu tư của Doanh nghiệp NB

Kết quả đạt được của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

① Xây dựng/ban hành cơ chế chính sách

Bối cảnh xã hội Việt Nam giai đoạn 2003-2012

- Sau khi gia nhập WTO vào năm 2009, VN thúc đẩy hội nhập quốc tế.
- Trong bối cảnh nhiều DN nước ngoài (đặc biệt là lĩnh vực chế tạo) đang xem xét tham gia thị trường VN, cộng đồng quốc tế đòi hỏi VN phải xây dựng một hệ thống chính sách (quy tắc) để doanh nghiệp nước ngoài có thể yên tâm đầu tư kinh doanh.

	Giai đoạn 1 ~4	Giai đoạn 5 ~8
Luật/Thuế/Hải quan	①	
Điện/Năng lượng		
Sản xuất CN/Đào tạo nhân lực		
Kinh tế/Tín dụng		

Kết quả chính của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua với các nội dung cam kết được đưa ra trong Sáng kiến chung. Đây là cuốn sách về các quy định cho doanh nghiệp nước ngoài.
- Hỗ trợ xây dựng/sửa đổi quy định, chính sách như Luật sở hữu trí tuệ, Luật lao động, Luật phòng chống tham nhũng, Luật thuế, Luật đất đai, hệ thống thanh toán...
- Đối với các cơ chế chính sách đã được ban hành, hỗ trợ xây dựng lộ trình và hướng dẫn thực thi thông qua việc cử chuyên gia của JICA.

Kết quả đạt được của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

② Xây dựng Quy hoạch/Hoàn thiện hạ tầng cơ bản

Bối cảnh xã hội Việt Nam giai đoạn 2003-2012

- Việt Nam cần phải xây dựng quy hoạch tổng thể cả về hạ tầng cứng và hạ tầng mềm như điện lực và sản xuất công nghiệp, nhân lực để doanh nghiệp nước ngoài có thể đầu tư kinh doanh lâu dài.

	Giai đoạn 1~4	Giai đoạn 5~8
Luật/Thuế/Hải quan		
Điện/Năng lượng	②	
Sản xuất CN/Đào tạo nhân lực		
Kinh tế/Tín dụng		

Kết quả chính của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Góp phần cho việc cung cấp điện ổn định thông qua việc hỗ trợ xây dựng Quy hoạch phát triển Điện 6 và 7 thông qua Dự án của JICA.
- Góp phần thúc đẩy sự tham gia của tư nhân trong các dự án PPP về phát triển nguồn điện thông qua việc tìm ra các rủi ro trong hoàn thiện hạ tầng với sự tham gia của tư nhân, phân chia vai trò giữa nhà nước và tư nhân, thảo luận về các phương thức cụ thể.
- Tăng cường sự hiểu biết căn bản nhằm xây dựng hoạch định chính sách, ví dụ : thông qua thảo luận các quan điểm về tỷ lệ nội địa hoá để phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- Góp phần cho việc xây dựng Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất xe máy thông qua việc cử chuyên gia cố vấn chính sách của JICA.

Kết quả đạt được của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

③ Ổn định kinh tế vĩ mô

Bối cảnh xã hội Việt Nam giai đoạn 2003-2014

- Doanh nghiệp nước ngoài phải mua nguyên vật liệu bằng đồng Đôla và bán bằng đồng VN nên đã tạo sự thiếu hụt về tiền Đôla /áp lực đồng VN yếu.
- Đặt ra nhu cầu cần phải hoàn thiện thị trường tài chính ổn định bởi lạm phát/sự biến động tỷ giá sẽ trở thành rủi ro kinh doanh.

	Giai đoạn 1~4	Giai đoạn 5~8
Luật/Thuế/Hải quan		
Điện/Năng lượng		
Sản xuất CN/Đào tạo nhân lực		
Kinh tế/Tín dụng	③	

Kết quả chính của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô thông qua hoạt động cử chuyên gia cố vấn về chính sách tài chính tín dụng cho NHNN của JICA và trao đổi ý kiến giữa các cơ quan liên quan đến điều hành nền kinh tế (kết thúc ở giai đoạn 5).

Kết quả đạt được của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

④ Triển khai thực tế cơ chế chính sách/kế hoạch

Bối cảnh xã hội Việt Nam giai đoạn 2013-2023

- Hạ tầng kinh tế được hoàn thiện tạo đà cho đầu tư nước ngoài gia tăng nhanh chóng.
- Đặt ra nhu cầu cần phải sửa đổi các quy định pháp luật, quy hoạch đã ban hành cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính hiệu quả cao cho doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh.

	Giai đoạn 1~4	Giai đoạn 5~8
Luật/Thuế/Hải quan		④
Điện/Năng lượng		
Sản xuất CN/Đào tạo nhân lực		
Kinh tế/Tín dụng		

Kết quả chính của Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản

- Phía Nhật Bản đã có đề xuất và trao đổi ý kiến để tăng cường tính minh bạch của hệ thống pháp luật. Kết quả đã được phản ánh trong Luật đầu tư/Luật doanh nghiệp sửa đổi.
- Đóng góp vào công tác điều chỉnh vận dụng cơ chế chính sách như tính đồng bộ với Nghị định thư gia nhập WTO, xây dựng quy định không tước bỏ các ưu đãi đã được cấp....
- Liên quan đến các dự án phát triển hạ tầng theo phương thức hợp tác công – tư, Sáng kiến chung đã tiến hành trao đổi ý kiến trên cơ sở bản dự thảo Luật PPP về các vấn đề tranh luận quan trọng khi triển khai dự án trên thực tế (Luật áp dụng/giải quyết tranh chấp, bảo lãnh của Chính phủ...).
- Giới thiệu các tiêu chuẩn an toàn của Nhật liên quan đến hệ thống đường ống dẫn. Hỗ trợ xây dựng dự thảo sửa đổi các luật liên quan nhằm tham gia vào thị trường trong nước.
- Xây dựng Báo cáo đề xuất chính sách để phát triển và thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp vừa và nhỏ - những doanh nghiệp nắm giữ ngành công nghiệp hỗ trợ của VN. Ngoài ra, phía Nhật Bản đã soạn thảo tài liệu về quan điểm tổng thể nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Ví dụ thành công VNACCS

(①Xây dựng/ban hành chính sách)

- Trong bối cảnh số lượng hàng hóa thông quan ngày càng tăng và nhằm cải thiện tình trạng thông quan kém hiệu quả, VNACCS (Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam) bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 4/2014 thông qua nguồn vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông quan và xuất nhập khẩu.
- Trong sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản, chúng tôi đã kêu gọi tối ưu hóa và đơn giản hóa thủ tục hải quan (giai đoạn 1, v.v.), đồng thời giới thiệu cho Việt Nam hệ thống NACCS đã được áp dụng tại Nhật Bản, góp phần triển khai một cách hiệu quả các hướng dẫn nhằm gỡ rối các vướng mắc trong thủ tục thông quan điện tử sau khi áp dụng VNACCS được đề cập ở trên (giai đoạn 5).**

	Trước khi áp dụng VNACCS (Thời điểm áp dụng mô hình e-Custom)	Sau khi áp dụng VNACCS
Thời gian xử lý hồ sơ	Xảy ra lỗi khi nhập, xuất dữ liệu, có trường hợp mất 1 ngày để kê khai thành công	Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ thời điểm kê khai đến khi phê duyệt
Hiệu quả công việc	Yêu cầu nộp toàn bộ hồ sơ, chứng từ gốc, có trường hợp yêu cầu tất cả chứng từ hải quan phải có chữ ký	Thúc đẩy việc không sử dụng chứng từ giấy (paperless), bổ sung tính năng hỗ trợ tạo tờ khai (chỉ cần nhập mã HS, hệ thống sẽ bổ sung thông tin)
Chất lượng công việc	Không đồng bộ giữa các cơ quan hải quan	Thực hiện cơ chế một cửa (có thể kiểm tra, theo dõi tình trạng của thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ của các Bộ, ngành khác liên quan đến nghiệp vụ xuất nhập khẩu đã hoàn thành chưa)

Ví dụ thành công Hỗ trợ xây dựng Quy hoạch điện 6 và 7

(②) Xây dựng quy hoạch/ Hoàn thiện hạ tầng cơ bản

- Trong bối cảnh Việt Nam định hướng thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế lấy công nghiệp hóa làm trọng tâm, Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện hạ tầng bao gồm việc phát triển các nhà máy nhiệt điện và giảm thiểu phát thải carbon để đáp ứng đủ nhu cầu điện ngày càng tăng nhanh với mức giá ổn định.
- Các hoạt động trong khuôn khổ của Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản đã góp phần thúc đẩy các dự án vay bằng đồng Yên (Dự án nhiệt điện Ô Môn, Nghi Sơn, Thái Bình, dự án thủy điện Thác Mơ, phát triển mạng lưới chuyển đổi và phân phối điện v.v.), đóng góp vào việc triển khai hiệu quả cơ chế vận hành trong thời gian ngừng cung cấp điện (thông báo trước khi cắt điện v.v.), và các biện pháp ứng phó trong thời kỳ sửa đổi giá điện v.v**



Kết luận và triển vọng

20 năm qua

Định lượng

Góp phần vào sự gia tăng đầu tư của Nhật Bản

	2000	2020
Tổng giá trị FDI của NB	3 tỷ USD	60 tỷ USD
Tỷ lệ FDI của NB	9 %	16 %

Định tính

Thời kỳ đầu
Xây dựng/ban hành cơ chế chính sách, xây dựng Quy hoạch, hoàn thiện hạ tầng cơ bản, ổn định kinh tế vĩ mô

Thời kỳ sau
Triển khai thực tế cơ chế chính sách/kế hoạch (nâng cao hiệu quả thực thi, chỉnh sửa)

Kết quả lớn nhất

Thực hiện vai trò “**Hoạt động kiến tạo tương lai**” giữa Nhật Bản và Việt Nam, góp phần xây dựng quan hệ Nhật - Việt

20 năm tới

Bối cảnh xã hội

Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, cần chú trọng cả hai mục tiêu “Tăng trưởng kinh tế” và “Giải quyết vấn đề xã hội”

Thế giới đang loay hoay tìm kiếm “sự tăng trưởng bền vững (chất lượng cao)”

Sáng kiến chung Việt Nam-Nhật Bản với tư cách là “Các hoạt động kiến tạo tương lai”

sẽ giữ vai trò càng quan trọng hơn nữa

Chúng tôi mong muốn có thể cống hiến nhiều hơn nữa thông qua thiết lập các chủ đề cần sự liên kết hợp tác Nhật Bản và Việt Nam phù hợp với xu thế toàn cầu